TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH BÌNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2025/DS-ST
Ngày: 05-5-2025.
V/v tranh chấp Hợp đồng tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BÌNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Anh Thư

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Diệu Hiền
2. Ông Ngô Văn Khon

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Bích là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thế Nhân, kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 tháng 4 và ngày 05 tháng 5 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 360/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 12 năm 2024 về tranh chấp dân sự Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2025/QĐXXST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Trần Thanh P, sinh năm: 1977;

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp cho anh Trần Thanh P là: Chị Nguyễn Thanh V, sinh năm: 1988, Theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/12/2024 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp E, xã N, huyện C, Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Bà Phan Thị Đ, sinh năm: 1978 (vắng mặt không có lý do);

Nơi cư trú: Số 1, ấp M, xã U, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/7/2023, bản khai và trong quá trình xét xử nguyên đơn ông Trần Thanh P ủy quyền cho chị Nguyễn Thanh V trình bày:

Căn cứ biên nhận ngày 15/4/2023 bà Đ có vay tiền của ông P số tiền gốc là 58.000.000 đ (Năm mươi tám triệu đồng), mẫu biên nhận đánh máy là do ông P lập, còn có bà Phan Thị Đ ký tên và ghi họ tên vào biên nhận ngày 15/4/2023 tại của Cửa hàng TP2 của ông P ở Khóm A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. ông P cam kết chữ ký tên, chữ viết họ tên trong biên nhận ngày 15/4/2023 là của bà

Phan Thị Đ nếu sai ông P hoàn toàn chịu trách nhiệm. ông P đã giao đủ số tiền vay 58.000.000đ cho bà Đ vào ngày ký tên biên nhận, mục đích vay để chi tiêu sinh hoạt trong gia đình, lãi suất 20%/ năm được ghi trực tiếp vào biên nhận và thỏa thuận thời hạn trả nợ gốc là 12 tháng. Từ khi vay đến ngày 16/5/2023 cho đến nay bà Đ không có trả lãi và không có trả số tiền nợ gốc.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Thanh P yêu cầu bà Đ phải có trách nhiệm trả lại số tiền vay nợ gốc là 58.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi 20% năm kể từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/01/2025 và không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 16/01/2025 do hoàn cảnh bà Đ đang khó khăn.

Bị đơn bà Phan Thị Đ vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bà Đ không cung cấp văn bản ý kiến về việc yêu cầu khởi kiện của ông P cũng như tham dự phiên họp, hòa giải nên Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của bà Đ về việc yêu cầu khởi kiện của ông P.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thanh V là người đại diện hợp pháp cho ông Trần Thanh P, theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/12/2024 yêu cầu bà Phan Thị Đ trả số tiền gốc còn nợ 58.000.000 đồng và tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 16/5/2023đến ngày 15/01/2025 là 20 tháng x 963.000 = 19.260.000 đồng vậy tổng cộng là 77.260.000 đồng và không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 16/01/2025.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng*: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng như không có văn bản trình kiến, không đến Tòa án để tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1, 2 để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình là vi phạm Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015, cần phê phán rút kinh nghiệm.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Chấp nhận yêu cầu của ông Trần Thanh P yêu cầu bà Phan Thị Đ trả số tiền gốc còn nợ 58.000.000 đồng và tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/01/2025 là 20 tháng x 963.000 = 19.260.000đồng vậy tổng cộng là 77.260.000 đồng và không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 15/01/2025.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Về thẩm quyền giải quyết: Do tranh chấp giữa cá nhân và cá nhân, bà Đ hiện nay đăng ký hộ khẩu thường trú ấp M, xã U, huyện C, tỉnh Đồng Tháp, nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án nơi bị đơn cư trú, nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2.] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ Biên nhận ngày 15/4/2023 (dl), ông P có cho bà Đ vay số tiền gốc 58.000.000đ (*Năm mươi tám triệu đồng*), từ khi vay đến nay bà Đ chỉ đóng cho ông P 01 tháng tiền lãi, từ ngày 16/5/2023 bà Đ không trả lãi cũng như tiền gốc cho ông Trần Thanh P, nên làm phát sinh tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Tòa án huyện thụ lý giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về pháp luật áp dụng: Căn cứ biên nhận ngày 15/4/2023 (dl) tranh chấp hợp đồng vay tài sản phát sinh vào năm 2023, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

[1.4] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thị Đ vắng mặt lần thứ hai không có lý do, Hội đồng xét xử xét thấy bà Đ đã được triệu tập hợp lệ đúng theo quy định, nhưng bà Đ vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo Biên nhận nhận ngày 15/4/2023 (dl), Tòa án huyện đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo về kết quả phiên họp, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định pháp luật tố tụng, nhưng bà Đ không đến Tòa án tham dự phiên hòa giải, cũng như phiên tòa, đã chứng minh được bị đơn cố tình vắng mặt, không có ý kiến để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Đ là phù hợp và đúng theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Biên nhận ngày 15/4/2023 (dl), ông P có cho bà Đ vay số tiền gốc 58.000.000đ (*Năm mươi tám triệu đồng*) là có thật và đã xảy ra, bà Đ đã nhận đủ số tiền vay 58.000.000đ. Từ khi nhận tiền vay đến ngày 16/5/2023 bà Đ trả cho ông P được 01 tháng tiền lãi là 963.000 đồng không trả nợ gốc, hiện nay còn nợ số tiền gốc là 58.000.000đ, căn cứ lời khai của ông P thì bà Đ có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 58.000.000đ cho ông P vào ngày 15/4/2024, đến nay đã quá thời hạn trả nợ, nhưng bà Đ không có trả nợ cho ông P nên bà Đ đã vi phạm hợp đồng vay tài

sản nêu trên đối với ông P. Tại phiên tòa đại diện ủy quyền của ông Trần Thanh P tự nguyện rút một phần yêu cầu chỉ yêu cầu bà Đ trả số tiền gốc là 58.000.000 đồng (Năm mươi tám triệu đồng) và tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/01/2025 là 20 tháng x 963.000 = 19.260.000đồng vậy tổng cộng là 77.260.000 đồng và không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 15/01/2025 là có cơ sở chấp nhận.

ông P cam đoan chữ ký tên và chữ viết họ tên người vay tiền là của bà Đ đồng thời cam đoan từ khi giao tiền vay cho bà Đ đến nay bà Đ trả lãi được số tiền lãi 963.000 (Chín trăm sáu mươi ba nghìn đông), không có trả số tiền nợ gốc, nếu sau này phát sinh tranh chấp việc bà Đ đã trả xong tiền nợ cho ông P, thì ông P hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Đối với lãi suất, theo biên nhận ngày 15/4/2023 có ghi rõ lãi suất 20%/năm và tại phiên tòa chị V là người đại diện theo ủy quyền của ông P chỉ yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền nợ gốc 58.000.000đ tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/01/2025 là 20 tháng x 963.000 đồng = 19.260.000 đồng và không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 15/01/2025 nên Hội đồng xét xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

bà Đ đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, bà Đ không có văn bản trình bày ý kiến về việc có nợ tiền của ông P và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Đ, nên Hội đồng xét xử không xem xét ý kiến hay yêu cầu của bà Đ đối với số tiền nợ nêu trên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P buộc bà Phan Thị Đ có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Thanh P số tiền còn nợ gốc là 58.000.000đ (*Năm mươi tám triệu đồng*) tính lãi suất 1,66%/tháng tính từ ngày 16/5/2023 đến ngày 16/01/2025 là 20 tháng x 963.000 đồng = 19.260.000 đồng và không yêu cầu tính lãi kể từ sau ngày 15/01/2025 tổng cộng gốc và lãi là 77.260.000 đồng (Bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 468 BLDS năm 2015

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Nguyên đơn ông Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn bà Phan Thị Đ phải có trách nhiệm chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.863.000đ (*Ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử do đó được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 26, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và điểm a, b khoản 1 Điều 238, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh P đối với bà Phan Thị Đ về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc bà Phan Thị Đ có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Thanh P số tiền nợ gốc là 58.000.000 đ (*Năm mươi tám triệu đồng*) và tiền lãi là 19.260.000 (*Mười chín triệu hai trăm sáu mươi nghìn*) đồng. Tổng cộng gốc và lãi bà Đ phải trả cho ông P là: 77.260.000 *(Bảy mươi bảy triệu hai trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Bị đơn bà Phan Thị Đ phải có trách nhiệm liên đới chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 3.863.000đ (*Ba triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn đồng*).

Nguyên đơn ông Trần Thanh P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông Trần Thanh P toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.498.000đ *(Một triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn)* theo biên lai số 0007156 ngày 09/12/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 05/5/2025). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a, và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Văn Khon –Nguyễn Thị Diệu Hiền **Huỳnh Anh Thư**